

TẠP CHÍ
KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 04(93) 2026
ISSN 1859-2635

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 04 năm 2026

Năm thứ mười chín

Mục lục

1. Bàn về tổ chức và hoạt động của sàn giao dịch bất động sản ở Việt Nam hiện nay3
Trần Minh Đức
2. Vai trò và các rào cản đối với khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình hiện đại hóa cơ cấu kinh tế Việt Nam 11
Đàm Thị Hiền, Đào Thị Mộng Phương
3. Thực trạng thị trường bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam và giải pháp phát triển bền vững ...20
Nguyễn Vũ Quỳnh Anh
4. Đánh giá mức độ sẵn sàng của hệ thống quản trị rừng tỉnh Nghệ An trong việc tham gia thị trường các-bon rừng giá trị cao30
Trần Nhật Lam Duyên
5. Nghiên cứu lý thuyết đẩy – kéo và lý thuyết phân loại du khách trong du lịch sáng tạo tại làng nghề: Một số hàm ý chính sách liên quan.....41
Võ Thị Bích Trâm, Trịnh Thị Thu
6. Nâng cao chất lượng thể chế, chính sách hướng tới khơi thông nguồn lực, phát huy tiềm năng, thế mạnh nhằm phát triển bền vững khu vực Tây Nguyên hiện nay.....52
Nguyễn Tất Trường
7. Kiểm soát chủ nghĩa cơ hội của người học trong kỷ nguyên GenAI: Nghiên cứu đa tình huống về đánh giá quá trình dựa trên lý thuyết chi phí giao dịch.....62
Lê Đức Thủy
8. Tác động của truyền thông mạng xã hội đến quyết định lựa chọn điểm đến thành phố Huế của du khách.....71
Đỗ Thị Thảo, Đoàn Khánh Hưng, Nguyễn Như Ái, Nguyễn Anh Tuấn
9. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách du lịch nội địa tại điểm đến du lịch Ngư Mỹ Thạnh, thành phố Huế.....85
Trần Văn Ngọc, Bạch Thị Thu Hà
10. Rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng trong du lịch dựa vào cộng đồng: Trường hợp làng nghề đan lát Bao La – thành phố Huế96
Đào Thị Minh Trang, Lê Thị Hà Quyên, Đoàn Khánh Hưng
11. Khắc phục những bất cập, hạn chế trong phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Ngũ Hành Sơn gắn với phát triển du lịch ở thành phố Đà Nẵng..... 107
Trần Thị Hồng Hạnh
12. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản tại Đô thị cổ Hội An trong bối cảnh phát triển hiện nay.. 117
Lê Đức Viên, Phan Thị Nhật Tài
13. Phát huy giá trị di sản văn hóa ở Hà Tĩnh từ góc nhìn công nghiệp văn hóa 123
Đặng Hoài Giang
14. Nguồn lực tôn giáo qua hoạt động an sinh xã hội của một số tôn giáo ở tỉnh Đắk Lắk 133
Bùi Thị Huyền
15. Nghi thức lời nói trong giáo dục con cái của người M'ông 143
Trương Thị Hồng Gái

Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách du lịch nội địa tại điểm đến du lịch Ngự Mỹ Thanh, thành phố Huế

Trần Văn Ngọc

Khoa Quản lý lễ hành, Trường Du lịch – Đại học Huế

Bạch Thị Thu Hà

Khoa Du lịch học, Trường Du lịch – Đại học Huế

Email liên hệ: bttha.hat@hueuni.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện dựa việc khảo sát ý kiến của 117 du khách nội địa thông qua bảng hỏi cấu trúc tại điểm đến du lịch Ngự Mỹ Thanh, xã Đan Điện, thành phố Huế. Trên cơ sở kế thừa và tham khảo các mô hình nghiên cứu trước đó, nhóm tác giả đã đề xuất mô hình đánh giá khả năng thu hút khách du lịch nội địa tại điểm đến du lịch Ngự Mỹ Thanh gồm các nhóm yếu tố: (1) Yếu tố tự nhiên; (2) Yếu tố văn hoá – xã hội; (3) Cơ sở hạ tầng, ẩm thực, lưu trú; (4) Điều kiện giải trí, mua sắm; (5) An toàn điểm đến và (6) Sự phục vụ. Kết quả cho thấy Ngự Mỹ Thanh nhận được mức đánh giá cao về nhiều khía cạnh; tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế cần cải thiện, như tăng cường dịch vụ mua sắm và vui chơi giải trí, nâng cấp cơ sở hạ tầng và hệ thống giao thông, nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, chuyên nghiệp hoá đội ngũ lao động du lịch, cũng như cải thiện vệ sinh môi trường. Những yếu tố này được xác định là cần thiết nhằm gia tăng khả năng thu hút và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách trong tương lai.

Từ khóa: điểm đến du lịch, khả năng thu hút, Ngự Mỹ Thanh.

Factors affecting the attractiveness to domestic tourist at Ngu My Thanh tourism destination, Hue City

Abstract: This study was conducted based on a survey of 117 domestic tourists using a structured questionnaire at the Ngu My Thanh tourism destination, Dan Dien commune, Hue City. Based on previous research models, the author proposed a model to assess the attractiveness of the Ngu My Thanh tourism destination for domestic tourists, including the following groups of factors: (1) Natural factors; (2) Cultural - social factors; (3) Infrastructure, cuisine, and accommodation; (4) Entertainment and shopping conditions; (5) Destination safety; and (6) Service quality. The results indicate that Ngu My Thanh receives relatively high evaluations in many aspects. However, several limitations still need improvement, such as enhancing shopping and entertainment services, upgrading infrastructure and transportation systems, improving the quality of accommodation services, professionalizing the tourism workforce, and improving environmental sanitation. These factors are identified as essential for increasing the destination's attractiveness and better meeting tourists' needs in the future.

Keywords: tourism destination, attractiveness, Ngu My Thanh.

Ngày nhận bài: 17/2/2026; **Ngày phản biện:** 07/3/2026; **Ngày duyệt đăng:** 20/7/2026

1. Đặt vấn đề

Thành phố Huế sở hữu hệ thống tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú, bao gồm núi rừng, đầm phá, sông suối, bờ biển và nhiều thắng cảnh nổi tiếng. Bên cạnh đó, Huế còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc, tiêu biểu là hệ thống di sản của Kinh đô Huế với bảy di sản được UNESCO công nhận, cùng với rất nhiều di tích được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh, hàng trăm lễ hội truyền thống và nhiều di sản văn hóa phi vật thể.

Trong tổng thể các nguồn tài nguyên đó phải kể đến Ngự Mỹ Thanh, tọa lạc tại Tổ dân phố Ngự Mỹ Thanh, xã Đan Điện, thành phố Huế, được công nhận là điểm đến du lịch vào năm 2023. Đây là một vùng quê yên bình của khu vực đầm phá Tam Giang, nơi thiên nhiên còn tương đối nguyên sơ và đời sống ngư nghiệp truyền thống vẫn được bảo tồn rõ nét. Du khách đến đây có cơ hội trải nghiệm nhiều hoạt động đặc trưng như thả nòng (đặt bẫy cá), đan lưới, đập tria (một hình

thức đánh bắt thủy sản truyền thống), tham quan rừng ngập mặn, hay trải nghiệm vai trò của người dân địa phương trong các hoạt động sinh kế thường nhật.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiềm năng sẵn có, điểm đến này vẫn còn nhiều hạn chế trong việc thu hút du khách như cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch chưa phát triển, phương tiện vận chuyển còn đơn giản, kỹ năng phục vụ du lịch của người dân còn hạn chế và hoạt động quảng bá điểm đến chưa thực sự hiệu quả.

Xuất phát từ thực trạng hoạt động du lịch tại điểm đến Ngư Mỹ Thạnh và yêu cầu nâng cao khả năng thu hút du khách trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững của thành phố Huế, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá khả năng thu hút du khách nội địa của điểm đến. Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu xác định những ưu điểm, hạn chế hiện có và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn giá trị văn hóa – sinh thái của khu vực đầm phá Tam Giang.

2. Tổng quan nghiên cứu và đề xuất mô hình

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu về điểm đến du lịch và khả năng thu hút khách du lịch đã được nhiều học giả quan tâm, tập trung vào việc xác định các thuộc tính cấu thành sức hấp dẫn của điểm đến cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn của du khách.

Trước hết, các nghiên cứu về thuộc tính điểm đến du lịch cho thấy sức hấp dẫn của một điểm đến được hình thành từ nhiều nhóm yếu tố khác nhau. Nghiên cứu của Gearing & cộng sự (1974) đã xác định các thuộc tính đánh giá khả năng thu hút của điểm đến bao gồm: yếu tố tự nhiên, yếu tố xã hội, yếu tố lịch sử, cơ sở giải trí và mua sắm, cơ sở hạ tầng, cùng với dịch vụ ăn uống và lưu trú. Kế thừa hướng tiếp cận này, Hu & Ritchie (1993) đã đề xuất hệ thống các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút điểm đến gồm: yếu tố tự nhiên, yếu tố xã hội, yếu tố lịch sử, điều kiện giải trí và mua sắm, cùng với cơ sở hạ tầng, ẩm thực và lưu trú. Bên cạnh đó, Aziz (2002) cũng xây dựng mô hình với năm nhóm yếu tố chính bao gồm: yếu tố địa lý, yếu tố văn hoá – xã hội, các đặc tính hỗ trợ, đặc điểm tự nhiên và đặc điểm vật chất.

Tiếp theo, các nghiên cứu về khả năng thu hút khách du lịch thường nhấn mạnh vai trò của việc kết hợp giữa tài nguyên du lịch và hệ thống dịch vụ hỗ trợ. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng khả năng thu hút của điểm đến không chỉ phụ thuộc vào tài nguyên tự nhiên và văn hoá mà còn chịu tác động bởi các yếu tố như cơ sở hạ tầng, mức độ an toàn, chất lượng dịch vụ và trải nghiệm tổng thể của du khách. Điều này cho thấy sức hấp dẫn của điểm đến là một khái niệm đa chiều, phản ánh cả yếu tố hữu hình và vô hình.

Cuối cùng, các nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách du lịch tại điểm đến đã làm rõ mức độ tác động khác nhau của từng nhóm yếu tố trong các bối cảnh cụ thể. Nghiên cứu của Bùi Thị Tám & Mai Lệ Quyên (2012) đã bổ sung yếu tố “an toàn của điểm đến” vào mô hình của Hu & Ritchie (1993) khi đánh giá điểm đến Huế. Trong khi đó, Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cộng sự (2017) khi nghiên cứu tại Hội An cho thấy chỉ có hai yếu tố “Thiên nhiên và khí hậu” và “Lưu trú – ẩm thực” có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng thu hút khách du lịch nội địa. Tương tự, Nguyễn Thuý Vy (2019) khẳng định vai trò quan trọng của tài nguyên tự nhiên, văn hoá – xã hội và các dịch vụ hỗ trợ trong việc hình thành sức hấp dẫn của điểm đến, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải nâng cấp hạ tầng giao thông và cơ sở lưu trú. Gần đây, Trần Thị Ngọc Liên & cộng sự (2021) đã mở rộng bộ tiêu chí đánh giá sức hấp dẫn điểm đến thông qua việc phát triển 23 thuộc tính, bổ sung các yếu tố như hệ sinh thái biển, giá trị địa chất, hoạt động nông - ngư nghiệp, đặc điểm cộng đồng địa phương và vệ sinh môi trường.

2.2. Đề xuất mô hình nghiên cứu

Các nghiên cứu trước đây cho thấy khả năng thu hút khách du lịch của một điểm đến chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhóm yếu tố khác nhau, thường được phân thành các nhóm như: yếu tố tự nhiên, văn hoá – xã hội, cơ sở hạ tầng và dịch vụ, cùng các yếu tố hỗ trợ khác. Tuy nhiên, cách tiếp cận này chủ yếu được xây dựng dựa trên các loại hình điểm đến phổ biến như du lịch biển hoặc du lịch văn hoá di sản, do đó chưa phản ánh đầy đủ những đặc trưng riêng của các điểm đến du lịch cộng đồng gắn với hệ sinh thái đặc thù.

Đối với thôn Ngư Mỹ Thạnh – điểm đến gắn với hệ sinh thái đầm phá Tam Giang và văn hóa ngư nghiệp của thành phố Huế – sức hấp dẫn không chỉ đến từ cảnh quan mà còn từ các hoạt động trải nghiệm mang tính tương tác cao giữa du khách và cộng đồng địa phương. Khác với du lịch biển hay di sản thuần túy, du lịch tại đây nổi bật với các trải nghiệm nông – ngư nghiệp, sinh hoạt cộng đồng và các thực hành văn hóa, tín ngưỡng đặc trưng của vùng đầm phá.

Trên cơ sở kế thừa và điều chỉnh các mô hình trước, nghiên cứu đề xuất 6 nhóm yếu tố gồm: (1) tự nhiên; (2) văn hóa – xã hội; (3) cơ sở hạ tầng, ẩm thực và lưu trú; (4) giải trí và mua sắm; (5) an toàn điểm đến; và (6) sự phục vụ. Việc lựa chọn này nhằm vừa đảm bảo tính kế thừa, vừa phản ánh đặc thù của du lịch đầm phá và du lịch cộng đồng.

Đáng chú ý, nghiên cứu đã bổ sung nhiều biến quan sát mới nhằm làm rõ hơn đặc trưng của điểm đến, bao gồm: các hoạt động nông – ngư nghiệp và trải nghiệm đặc trưng vùng đầm phá; hoạt động văn hoá tâm linh, các lễ hội/ sự kiện của cư dân đầm phá; mức độ an toàn trong các hoạt động tham quan trên thuyền; vốn hiểu biết phong phú của người dân về văn hóa địa phương; vai trò của người dân trong việc tạo ra trải nghiệm tích cực cho du khách; giá trị cảnh quan đặc sắc như bình minh và hoàng hôn; và mức độ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong các dịch vụ ẩm thực địa phương.

Những điều chỉnh và bổ sung này góp phần làm rõ tính đặc thù của du lịch Ngư Mỹ Thạnh, đồng thời nâng cao giá trị lý luận và thực tiễn của mô hình nghiên cứu khi áp dụng cho các điểm đến du lịch cộng đồng gắn với hệ sinh thái đầm phá. Mô hình này nhằm phản ánh các yếu tố chính ảnh hưởng đến sức hấp dẫn của điểm đến du lịch Ngư Mỹ Thạnh đối với du khách nội địa.



Hình 1: Mô hình đề xuất đánh giá khả năng thu hút khách du lịch đối với điểm đến du lịch Ngư Mỹ Thạnh

Bảng 1: Thang đo đề xuất khả năng thu hút khách du lịch đối với điểm đến du lịch Ngư Mỹ Thạnh

STT	Các tiêu chí đánh giá	Mã hóa	Nguồn
Các yếu tố tự nhiên		TN	
1	Cảnh quan thiên nhiên, bình minh và hoàng hôn tuyệt đẹp	TN1	Nhóm tác giả, 2025
2	Khí hậu mát mẻ, trong lành	TN2	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017
3	Phong cảnh tự nhiên nguyên sơ	TN3	Trần Thị Ngọc Liên & cs., 2021
4	Môi trường trong lành, sạch sẽ	TN4	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017
5	Hệ động, thực vật vùng đầm phá phong phú, đặc sắc	TN5	Nhóm tác giả, 2025
Các yếu tố văn hoá – xã hội		VH	
6	Các làng nghề thủ công, mỹ nghệ truyền thống đặc sắc	VH1	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017

7	Người dân địa phương thân thiện, chất phát	VH2	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017
8	Lối sống bản địa và hoạt động sản xuất thú vị	VH3	Hu & Ritchie., 1993
9	Hoạt động văn hoá tâm linh, các lễ hội/ sự kiện phong phú, đặc sắc, tiêu biểu của cư dân đầm phá	VH4	Nhóm tác giả, 2025
10	Hoạt động nông – ngư nghiệp mang tính truyền thống, đặc thù vùng đầm phá	VH5	Nhóm tác giả, 2025
Cơ sở hạ tầng, ẩm thực, lưu trú		CS	
11	Các cơ sở phục vụ ăn uống đa dạng, ẩm thực địa phương mang tính đặc trưng, phong phú	CS1	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017, Trần & cs., 2021
12	Dịch vụ và tiện nghi công cộng cơ bản đảm ứng nhu cầu (nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, ...)	CS2	Trần Thị Ngọc Liên & cs., 2021
13	Đường xá thuận tiện cho việc di chuyển	CS3	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017
14	Cơ sở lưu trú đa dạng, thân thiện, sạch sẽ	CS4	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017
Các điều kiện giải trí – mua sắm		GT	
15	Các hoạt động trải nghiệm hấp dẫn, độc đáo (chèo sup, đập trả, đổ nỏ, check in bình minh, hoàng hôn, thăm Chợ Nổi sáng sớm...)	GT1	Nhóm tác giả, 2025
16	Có nhiều cơ hội mua sắm quà lưu niệm, các đặc sản địa phương	GT5	Bùi Thị Tám & Mai Lệ Quyên, 2012 Trần Thị Ngọc Liên & cs., 2021
17	Có các trò chơi dân gian thú vị	GT5	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017
18	Hoạt động giải trí về đêm phong phú, đa dạng		Trần Thị Ngọc Liên & cs., 2021
Sự phục vụ		PV	
19	Người dân tham gia vào hoạt động du lịch thân thiện, tận tình	PV1	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017
20	Nhân viên tại các nhà hàng, điểm tham quan chuyên nghiệp, nhiệt tình	PV2	Trần Thị Ngọc Liên & cs., 2021
21	Người dân có vốn hiểu biết phong phú về văn hoá địa phương	PV3	Nhóm tác giả, 2025
22	Người dân góp phần tạo ra trải nghiệm tích cực cho du khách	PV4	Nhóm tác giả, 2025
An toàn điểm đến		AT	
23	Các hoạt động tham quan, trải nghiệm trên thuyền Cole và chèo sup đảm bảo an toàn cho du khách (bến thuyền, áo phao, chất lượng thuyền, độ sâu của mặt nước, hoạt động cứu hộ, kinh nghiệm của người lái thuyền)	AT1	Nhóm tác giả, 2025
24	Giá cả ăn uống phù hợp, hợp lý	AT2	Nguyễn Thị Minh Nghĩa & cs., 2017
25	Các dịch vụ cung cấp ẩm thực địa phương đảm bảo an toàn về vệ sinh thực phẩm	AT3	Nhóm tác giả, 2025
26	Đảm bảo các vấn đề an ninh trật tự xã hội	AT4	Bùi Thị Tám & Mai Lệ Quyên, 2012 Trần Thị Ngọc Liên & cs., 2021

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp)

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện đối với du khách đã và đang trải nghiệm tại điểm đến du lịch Ngư Mỹ Thạnh. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi phát trực tiếp và khảo sát trực tuyến bằng Google Form. Cỡ mẫu được xác định theo công thức của Yamane (1967) với tổng lượng khách nội địa năm 2024 là 4.600 lượt khách và mức sai số cho phép 10%, kết quả cỡ mẫu tối thiểu là 98. Nghiên cứu tiến hành thu thập 120 phiếu khảo sát, sau khi làm sạch dữ liệu còn 117 phiếu hợp lệ được sử dụng cho phân tích.

Dữ liệu được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 với mức độ tin cậy 95%. Các phương pháp phân tích bao gồm: thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình), kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, kiểm định Independent Samples T-test để phân tích sự khác biệt theo giới tính và phân tích phương sai một yếu tố (One-way ANOVA) nhằm kiểm định sự khác biệt trong đánh giá của du khách đối với các nhóm yếu tố của điểm đến.

Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp quan sát và khảo sát thực địa nhằm ghi nhận thực tế hoạt động du lịch tại Ngự Mỹ Thạnh, qua đó đánh giá cơ sở hạ tầng, dịch vụ du lịch... và thái độ của người dân địa phương trong quá trình phục vụ du khách. Những thông tin này góp phần bổ sung và làm rõ kết quả phân tích định lượng của nghiên cứu.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thông tin chung về mẫu điều tra

Kết quả khảo sát 117 phiếu hợp lệ tại điểm đến du lịch Phá Tam Giang, tổ dân phố Ngự Mỹ Thạnh, Xã Đan Diễm, thành phố Huế cho thấy cơ cấu du khách khá đa dạng nhưng tập trung chủ yếu ở nhóm trẻ. Trong đó, du khách có độ tuổi từ 18–30 chiếm 86,3%; dưới 18 tuổi 12%; từ 31–60 và trên 60 tuổi đều chỉ 1%. Về vùng miền, phần lớn khách đến từ miền Trung (82,7%); tiếp đến là miền Bắc (6%); miền Nam (3,4%) và người dân địa phương (7,7%). Xét theo nghề nghiệp: 82,9% là sinh viên; 12% lao động tự do; 4% kinh doanh; 1,7% nghề khác; trong khi công – viên chức nhà nước chiếm 0%. Đa số khách đến lần đầu tiên (67,5%), chủ yếu đi tự túc (58,1%), và biết đến điểm đến qua bạn bè, người thân (71,8%) hoặc mạng xã hội (58,1%). Mục đích chính của chuyến đi là tham quan, trải nghiệm (74,4%), với thời gian lưu trú phổ biến là trong ngày chiếm tỉ lệ (30,8%) cùng với đó thì có 1 số câu trả lời từ du khách họ có lưu trú từ 2-3 ngày tại đây (chiếm 30,8%). Đáng chú ý, 97,4% du khách có ý định quay lại và 98,3% sẵn sàng giới thiệu cho người khác, thể hiện mức độ hài lòng cao đối với điểm đến. Cơ cấu giới tính cân bằng giữa nam và nữ (49,6%-50,4%) cho thấy Ngự Mỹ Thạnh thu hút được nhiều đối tượng khách khác nhau. Nhìn chung, kết quả khảo sát phản ánh điểm du lịch Ngự Mỹ Thạnh đang có sức hút mạnh mẽ với nhóm du khách trẻ, đặc biệt là sinh viên khu vực miền Trung, với xu hướng du lịch tự túc, trải nghiệm văn hóa – sinh thái, qua đó khẳng định tiềm năng phát triển bền vững của điểm đến trong tương lai.

4.2. Kiểm tra độ tin cậy của thang đo biến độc lập

Bảng 2: Kiểm tra độ tin cậy Cronbach's anpha

Biến quan sát	Giá trị trung bình nếu loại biến	Độ lệch chuẩn nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Tự nhiên: Cronbach's Alpha = 0,903				
TN1	17,70	6,608	0,756	0,882
TN2	17,74	6,503	0,793	0,874
TN3	17,77	6,645	0,750	0,883
TN4	17,82	6,442	0,762	0,881
TN5	17,72	6,859	0,726	0,888
Văn hóa – xã hội: Cronbach's Alpha = 0,908				
VH1	17,99	6,457	0,703	0,902
VH2	17,94	6,557	0,776	0,887
VH3	18,02	6,051	0,837	0,873
VH4	17,97	6,508	0,687	0,905
VH5	18,03	6,108	0,848	0,871
Cơ sở hạ tầng, ẩm thực, lưu trú - Cronbach's Alpha = 0,924				
CS1	13,11	4,910	0,789	0,912
CS2	13,21	4,682	0,826	0,900
CS3	13,24	4,632	0,839	0,895
CS4	13,14	4,567	0,840	0,895
Giải trí – mua sắm: Cronbach's Alpha = 0,919				
GT1	13,15	5,355	0,810	0,900

GT2	15,33	4,845	0,803	0,899
GT3	13,23	4,869	0,853	0,882
GT4	13,31	4,525	0,813	0,899
Sự phục vụ: Cronbach's Alpha = 0,920				
PV1	13,47	4,182	0,821	0,896
PV2	13,41	4,296	0,801	0,903
PV3	13,34	4,692	0,818	0,898
PV4	13,39	4,413	0,837	0,890
An toàn điểm đến: Cronbach's Alpha = 0,937				
AT1	13,42	4,177	0,880	0,908
AT2	13,44	3,973	0,838	0,922
AT3	13,38	4,237	0,851	0,917
AT4	13,40	4,139	0,835	0,922

(Nguồn: Xử lý số liệu SPSS, 2025)

Sau khi tiến hành kiểm định độ tin cậy của thang đo các biến độc lập qua hệ số Cronbach's Alpha từ kết quả ở bảng trên ta có thể thấy rằng, tất cả các nhân tố trong nghiên cứu đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 và hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,3. Vì vậy, tất cả nhân tố bao gồm: "Tự nhiên", "Văn hóa – xã hội", "Cơ sở hạ tầng, ẩm thực, lưu trú", "Giải trí - mua sắm" "Sự phục vụ" đều được giữ lại cho các phân tích tiếp theo.

4.3. Đánh giá của du khách về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút tại điểm đến du lịch Ngự Mỹ Thạnh

4.3.1. Đánh giá của du khách đối với yếu tố tự nhiên

Bảng 3: Đánh giá của du khách về yếu tố tự nhiên

Tiêu chí	Giới tính ¹	Vùng Miền ²	Độ Tuổi ²	Nghề Nghiệp ²	GTTB
Cảnh quan thiên nhiên, bình minh và hoàng hôn tuyệt đẹp	Ns	Ns	Ns	Ns	4,49
Khí hậu mát mẻ, trong lành	Ns	Ns	Ns	Ns	4,44
Phong cảnh tự nhiên nguyên sơ	Ns	Ns	Ns	Ns	4,42
Môi trường trong lành, sạch sẽ	Ns	Ns	Ns	Ns	4,37
Hệ động, thực vật vùng đầm phá phong phú, đặc sắc	Ns	Ns	Ns	Ns	4,47

(Nguồn: Xử lý số liệu SPSS, 2025)

Chú thích:

Thang đo Likert: (1) – Rất không đồng ý; (2) – Không đồng ý; (3) – Trung Lập; (4) – Đồng ý; (5) – Rất đồng ý

(1) Kiểm định Independent Samples – Test

(2) Kiểm định One – Way ANOVA

Giả thiết cần kiểm định:

H0: Không có sự khác biệt giữa các nhóm về yếu tố đánh giá.

H1: Có sự khác biệt giữa các nhóm về yếu tố đánh giá.

Mức độ ý nghĩa:

Sig. (P-value) > 0.1 (Ns): Không có sự khác biệt ý kiến giữa các nhóm khách.

0.05 < Sig. (P-value) <= 0.1 (*): Khác biệt có ý nghĩa thống kê thấp

0.01 < Sig. (P-value) <= 0.05 (**): Khác biệt có ý nghĩa thống kê trung bình

Sig. (P-value) <= 0.01 (***): Khác biệt có ý nghĩa thống kê cao

Kết quả phân tích dữ liệu (Bảng 3) cho thấy du khách đánh giá rất cao các yếu tố tự nhiên của điểm đến Ngự Mỹ Thạnh. Trong đó, yếu tố "Cảnh quan thiên nhiên, bình minh và hoàng hôn tuyệt đẹp" được ghi nhận cao nhất với giá trị trung bình (GTTB) là 4,49; trong đó 60,7% hoàn toàn

đồng ý và 29,9% đồng ý. Điều này cho thấy vẻ đẹp của đầm phá, đặc biệt là sự chuyển màu cảnh quan vào sáng sớm và chiều muộn, là điểm nhấn quan trọng thu hút du khách khi trải nghiệm tại Ngư Mỹ Thạnh.

Tiếp theo, yếu tố "Khí hậu mát mẻ, trong lành" đạt GTTB = 4,44, với hơn 90% du khách đưa ra đánh giá tích cực (57,3% hoàn toàn đồng ý và 32,5% đồng ý). Kết quả này phản ánh môi trường tự nhiên tại khu vực đầm phá luôn thoáng đãng, ít bị ô nhiễm, mang lại cảm giác thoải mái cho du khách trong suốt hành trình. Bên cạnh đó, "Phong cảnh tự nhiên nguyên sơ cũng được đánh giá cao với GTTB = 4,42; trong đó 55,6% hoàn toàn đồng ý và 32,5% đồng ý, cho thấy khu vực vẫn giữ được vẻ đẹp mộc mạc, ít chịu tác động của hoạt động khai thác du lịch và trở thành lợi thế quan trọng trong phát triển du lịch. Liên quan đến chất lượng môi trường, yếu tố "Môi trường trong lành, sạch sẽ" đạt GTTB = 4,37 với 53% hoàn toàn đồng ý và 33,3% đồng ý. Tuy nhiên, vẫn có 11,1% ý kiến trung lập và 2,6% không đồng ý, cho thấy mặc dù phần lớn du khách hài lòng, công tác vệ sinh môi trường và thu gom rác thải tại điểm đến vẫn cần được chú trọng hơn. Yếu tố "Hệ động - thực vật vùng đầm phá phong phú, đặc sắc" ghi nhận GTTB = 4,47; trong đó 59% hoàn toàn đồng ý và 29,9% đồng ý. Điều này khẳng định sự đa dạng sinh học đặc trưng của đầm phá Tam Giang là một trong những yếu tố quan trọng mang lại trải nghiệm khám phá thiên nhiên hấp dẫn cho du khách.

4.3.2. Đánh giá của du khách đối với yếu tố văn hoá - xã hội

Bảng 4: Đánh giá của du khách về yếu tố văn hoá- xã hội

Tiêu chí	Giới tính ¹	Vùng Miền ²	Độ Tuổi ²	Nghề Nghiệp ²	GTTB
Các làng nghề thủ công, mỹ nghệ truyền thống đặc sắc	Ns	Ns	Ns	Ns	4,50
Người dân địa phương thân thiện, chất phác	Ns	Ns	Ns	Ns	4,55
Lối sống bản địa và hoạt động sản xuất thú vị	Ns	Ns	Ns	Ns	4,47
Hoạt động văn hoá tâm linh, các lễ hội/ sự kiện phong phú, đặc sắc, tiêu biểu của cư dân đầm phá	Ns	Ns	Ns	Ns	4,51
Hoạt động nông - ngư nghiệp mang tính truyền thống, đặc thù vùng đầm phá	Ns	Ns	Ns	Ns	4,46

(Nguồn: Xử lý số liệu SPSS, 2025)

Kết quả bảng 4 cho thấy du khách đánh giá rất cao các yếu tố văn hoá - xã hội tại Ngư Mỹ Thạnh với giá trị trung bình dao động từ 4,46 - 4,55. Trong đó yếu tố "Người dân địa phương thân thiện, chất phác" được đánh giá cao nhất (GTTB = 4,55). Có đến 64,1% "hoàn toàn đồng ý" và 27,4% "đồng ý", cho thấy sự hiếu khách và mộc mạc của người dân là yếu tố gây ấn tượng mạnh nhất. Hoạt động văn hoá tâm linh, lễ hội, sự kiện cũng được đánh giá rất cao (GTTB = 4,51) với 63,2% "hoàn toàn đồng ý". Điều này khẳng định sức hấp dẫn của các giá trị văn hoá phi vật thể tại địa phương.

Các làng nghề thủ công, mỹ nghệ truyền thống đạt GTTB = 4,50 (63,2% "hoàn toàn đồng ý"). Đây là một điểm nhấn trải nghiệm độc đáo được du khách ghi nhận, Lối sống bản địa và hoạt động sản xuất thú vị có GTTB = 4,47, cho thấy du khách rất hứng thú khi quan sát và tìm hiểu nếp sống, sinh hoạt đời thường của người dân. Hoạt động nông - ngư nghiệp truyền thống được đánh giá với GTTB = 4,46 (57,3% "hoàn toàn đồng ý" và 33,3% "đồng ý"), phản ánh đây là trải nghiệm chân thực, đặc thù của du lịch mà du khách tìm kiếm.

4.3.3. Đánh giá của du khách về yếu tố cơ sở hạ tầng, ẩm thực, lưu trú

Nhìn chung, du khách đánh giá tích cực về các yếu tố cơ sở hạ tầng và dịch vụ, với tất cả các giá trị trung bình (GTTB) đều từ 4,32 trở lên. Các cơ sở phục vụ ăn uống đa dạng, ẩm thực địa phương... được đánh giá cao nhất (GTTB = 4,45). Có đến 59,8% du khách "hoàn toàn đồng ý" và 27,4% "đồng ý", cho thấy sự hài lòng rõ rệt về chất lượng và sự phong phú của ẩm thực tại điểm đến du lịch này.

Cơ sở lưu trú đa dạng, thân thiện, sạch sẽ cũng nhận được điểm số rất cao (GTTB = 4,43). Yếu tố này được 59,0% du khách "hoàn toàn đồng ý" và 28,2% "đồng ý", phản ánh trải nghiệm tốt về nơi ở nhưng có một điểm hạn chế đó chính là việc chỉ có 5 homestay trên địa bàn nên việc các đoàn có số lượng lớn rất khó để có thể lưu trú qua đêm. Điều này có thể ảnh hưởng đến trải nghiệm của du khách và hạn chế tính đa dạng của dịch vụ lưu trú. Các tiện nghi công cộng cơ bản (nhà vệ sinh, bãi đỗ xe...) được đánh giá ở mức khá tốt (GTTB = 4,36), với 52,1% "hoàn toàn đồng ý" và 35,0% "đồng ý".

Đường xá thuận tiện cho việc di chuyển là yếu tố có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm, mặc dù vẫn ở mức cao (GTTB = 4,32). Đáng chú ý, đây là chỉ tiêu có tỷ lệ "trung lập" (mức 3) cao nhất là 15,4%, cho thấy một bộ phận du khách chưa hoàn toàn hài lòng về mức độ thuận tiện của giao thông. Hực tế cho thấy nhận định của du khách là có cơ sở khi cơ sở vật chất ở đây còn thiếu thốn, hệ thống giao thông vẫn còn hạn chế, với quy mô đường nhỏ và chưa thuận tiện cho việc di chuyển.

Bảng 5: Đánh giá của du khách về yếu tố cơ sở hạ tầng, ẩm thực, lưu trú

Tiêu chí	Giới tính ¹	Vùng Miền ²	Độ Tuổi ²	Nghề Nghiệp ²	GTTB
Các cơ sở phục vụ ăn uống đa dạng, ẩm thực địa phương mang tính đặc trưng, phong phú	Ns	Ns	Ns	Ns	4,45
Dịch vụ và tiện nghi công cộng cơ bản đáp ứng nhu cầu (nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, ...)	Ns	Ns	Ns	Ns	4,36
Đường xá thuận tiện cho việc di chuyển	Ns	Ns	Ns	Ns	4,32
Cơ sở lưu trú đa dạng, thân thiện, sạch sẽ	Ns	Ns	Ns	Ns	4,43

(Nguồn: Xử lý số liệu SPSS, 2025)

4.3.4 Đánh giá của du khách về yếu tố giải trí – mua sắm

Kết quả bảng 6 cho thấy du khách đánh giá rất cao các điều kiện giải trí và mua sắm, với tất cả các giá trị trung bình (GTTB) đều trên 4,34. Các hoạt động trải nghiệm hấp dẫn, độc đáo (như chèo sup, đạp xe, ngắm bình minh/hoàng hôn...) là yếu tố được đánh giá cao nhất, với GTTB = 4,52. Đây rõ ràng là điểm thu hút mạnh nhất, với 62,4% du khách "hoàn toàn đồng ý" và 29,0% "đồng ý".

Bảng 6: Đánh giá của du khách về yếu tố giải trí – mua sắm

Tiêu chí	Giới tính ¹	Vùng Miền ²	Độ Tuổi ²	Nghề Nghiệp ²	GTTB
Các hoạt động trải nghiệm hấp dẫn, độc đáo (chèo sup, đạp tria, đồ nò, check in bình minh, hoàng hôn, thăm Chợ Nổi sáng sớm...)	Ns	Ns	Ns	Ns	4,52
Có nhiều cơ hội mua sắm quà lưu niệm, các đặc sản địa phương	Ns	Ns	Ns	Ns	4,34
Có các trò chơi dân gian thú vị	Ns	Ns	Ns	Ns	4,44
Hoạt động giải trí về đêm phong phú, đa dạng	Ns	Ns	Ns	Ns	4,37

(Nguồn: Xử lý số liệu SPSS, 2025)

Các trò chơi dân gian thú vị cũng được du khách đón nhận rất tích cực, đạt GTTB = 4,44. Có 59,8% du khách "hoàn toàn đồng ý", cho thấy các giá trị văn hoá giải trí truyền thống có sức hấp dẫn lớn. Hoạt động giải trí về đêm phong phú, đa dạng được đánh giá tốt (GTTB = 4,37). Tuy nhiên, đây là yếu tố có tỷ lệ "không đồng ý" (mức 2) cao nhất trong bảng (4,3%), cho thấy vẫn còn một bộ phận du khách cảm thấy hoạt động về đêm chưa thực sự đa dạng do ở Ngự Mỹ Thạnh khi trải nghiệm Phá Tam Giang vào ban đêm rất khó khăn vì chưa có hệ thống chiếu sáng, hay các địa điểm vui chơi cách xa Ngự Mỹ Thạnh do đặc điểm Ngự Mỹ Thạnh là khu vực nông thôn, cách xa trung tâm thành phố, cùng với đó dịch vụ lưu trú cũng hạn chế số lượng. Cơ hội mua sắm quà lưu niệm, đặc sản có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm (GTTB = 4,34). Bởi vì ở đây nổi tiếng là về cảnh quan và trải nghiệm cùng với đó ở đây đa phần là ngư dân, gắn liền với sông nước, hoạt động buôn bán chủ yếu là thủy hải sản tươi sống và thường diễn ra vào buổi sáng sớm... và họ cũng rất ít khi làm đồ lưu niệm thủ công. Mặc dù vẫn là một điểm số tích cực, nhưng nó có tỷ

lệ "trung lập" (mức 3) cao nhất là 12,8%, cho thấy đây là lĩnh vực có tiềm năng cần cải thiện thêm để đáp ứng kỳ vọng của du khách.

4.3.5 Đánh giá của du khách về sự phục vụ

Kết quả khảo sát cho thấy du khách nhìn chung đánh giá rất tích cực về thái độ phục vụ và mức độ tương tác của cộng đồng tại điểm đến, với tất cả các giá trị trung bình (GTTB) đều đạt trên 4,40. Đây là minh chứng cho vai trò quan trọng của cộng đồng trong việc nâng cao chất lượng trải nghiệm du lịch tại Ngư Mỹ Thạnh.

Trong nhóm yếu tố này, "Người dân có vốn hiểu biết phong phú về văn hoá địa phương" được đánh giá cao nhất (GTTB = 4,53), với 63,2% du khách "hoàn toàn đồng ý". Điều này cho thấy kiến thức bản địa của người dân đóng vai trò như một nguồn tài nguyên quý giá, góp phần truyền tải giá trị văn hóa và làm sâu sắc trải nghiệm của du khách. Tiếp đến, yếu tố "Người dân góp phần tạo ra trải nghiệm tích cực cho du khách" đạt GTTB = 4,48, trong đó 61,5% du khách "hoàn toàn đồng ý". Kết quả này khẳng định cộng đồng địa phương là nhân tố quan trọng trong việc tạo dựng môi trường thân thiện, hiếu khách và mang lại những ấn tượng tốt đẹp cho du khách.

Đối với yếu tố "Nhân viên tại các nhà hàng, điểm tham quan chuyên nghiệp, nhiệt tình", điểm trung bình đạt 4,46, với 61,5% "hoàn toàn đồng ý". Điều này phản ánh chất lượng phục vụ của đội ngũ làm du lịch đã đáp ứng tốt kỳ vọng của khách, đặc biệt về tính chuyên nghiệp và thái độ phục vụ.

Yếu tố có mức đánh giá thấp nhất trong nhóm là "Người dân tham gia vào hoạt động du lịch thân thiện, tận tình" (GTTB = 4,40). Mặc dù vẫn ở mức cao, yếu tố này có tỷ lệ "trung lập" cao nhất (13,7%), cho thấy cần tiếp tục tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng phục vụ và nhận thức du lịch cho người dân nhằm nâng cao sự đồng đều trong chất lượng dịch vụ.

Bảng 7: Đánh giá của du khách về yếu tố sự phục vụ

Tiêu chí	Giới tính ¹	Vùng Miền ²	Độ Tuổi ²	Nghề Nghiệp ²	GTTB
Người dân tham gia vào hoạt động du lịch thân thiện, tận tình	Ns	Ns	Ns	Ns	4,40
Nhân viên tại các nhà hàng, điểm tham quan chuyên nghiệp, nhiệt tình	Ns	Ns	Ns	Ns	4,46
Người dân có vốn hiểu biết phong phú về văn hoá địa phương	Ns	Ns	Ns	Ns	4,53
Người dân góp phần tạo ra trải nghiệm tích cực cho du khách	Ns	Ns	Ns	Ns	4,48

(Nguồn: Xử lý số liệu SPSS, 2025)

4.3.6. Đánh giá của du khách về yếu tố an toàn điểm đến

Du khách đánh giá rất cao các yếu tố an toàn và vệ sinh tại Ngư Mỹ Thạnh, với GTTB đều trên 4,44. Trong đó, các dịch vụ cung cấp ẩm thực địa phương đảm bảo an toàn về vệ sinh thực phẩm được đánh giá cao nhất (GTTB = 4,50). Với 61,5% du khách "hoàn toàn đồng ý", yếu tố vệ sinh an toàn thực phẩm được khẳng định là điểm mạnh lớn, tạo sự yên tâm cho du khách nhờ nguồn hải sản tươi sống được khai thác trực tiếp tại địa phương. Tiêu chí "Đảm bảo các vấn đề về an ninh trật tự xã hội" đạt GTTB = 4,48 (60,7% "hoàn toàn đồng ý"). Kết quả này cho thấy du khách cảm thấy khu vực du lịch là an toàn, góp phần tạo nên một trải nghiệm tích cực. Tiếp theo, tiêu chí "Các hoạt động tham quan, trải nghiệm trên thuyền Cole và chèo sup đảm bảo an toàn..." đạt GTTB = 4,46. Yếu tố này bao gồm nhiều khía cạnh (chất lượng thuyền, phao cứu hộ, kinh nghiệm người lái), và kết quả cho thấy du khách tin tưởng vào sự an toàn của các hoạt động trên mặt nước.

Cuối cùng, tiêu chí "Giá cả ăn uống phù hợp, hợp lý" có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm (GTTB = 4,44). Mặc dù vẫn là một điểm số tích cực (59,0% "hoàn toàn đồng ý"), nhưng nó có tỷ lệ "không đồng ý" (mức 2) cao nhất là 2,6%, cho thấy sự chênh lệch về giá cả có thể là một điểm cần theo dõi để duy trì sự hài lòng của du khách.

Một điểm đáng chú ý là kết quả nghiên cứu không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm du khách theo giới tính, độ tuổi, vùng miền và nghề nghiệp. Điều này có thể được lý giải bởi hai nguyên nhân chính. Thứ nhất, sản phẩm du lịch tại Ngự Mỹ Thạnh hiện còn tương đối đơn giản, chưa có sự phân hóa rõ ràng để đáp ứng nhu cầu của các phân khúc khách khác nhau, thực tế cho thấy đối tượng khách du lịch đến tham quan và trải nghiệm tại Ngự Mỹ Thạnh khá đa dạng về độ tuổi. Thứ hai, do cơ cấu mẫu khảo sát có sự thiên lệch đáng kể về nhóm khách trẻ, chủ yếu là sinh viên, dẫn đến sự thiếu đại diện của các nhóm khách khác và làm giảm khả năng phát hiện sự khác biệt giữa các nhóm nhân khẩu học.

Bảng 8: Đánh giá của du khách về yếu tố an toàn điểm đến

Tiêu chí	Giới tính ¹	Vùng Miền ²	Độ Tuổi ²	Nghề Nghiệp ²	GTTB
Các hoạt động tham quan, trải nghiệm trên thuyền Cole và chèo sup đảm bảo an toàn cho du khách (bến thuyền, áo phao, chất lượng thuyền, độ sâu của mặt nước, hoạt động cứu hộ, kinh nghiệm của người lái thuyền)	Ns	Ns	Ns	Ns	4,46
Giá cả ăn uống phù hợp, hợp lý	Ns	Ns	Ns	Ns	4,44
Các dịch vụ cung cấp ẩm thực địa phương đảm bảo an toàn về vệ sinh thực phẩm	Ns	Ns	Ns	Ns	4,50
Đảm bảo các vấn đề an ninh trật tự xã hội	Ns	Ns	Ns	Ns	4,48

(Nguồn: Xử lý số liệu SPSS, 2025)

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm đến du lịch Ngự Mỹ Thạnh được du khách đánh giá cao trên cả sáu nhóm yếu tố: tự nhiên, văn hóa – xã hội, cơ sở hạ tầng – ẩm thực – lưu trú, giải trí – mua sắm, sự phục vụ và an toàn điểm đến. Trong đó, các giá trị cảnh quan đầm phá, bản sắc văn hóa ngư nghiệp, sự thân thiện của người dân địa phương và các hoạt động trải nghiệm đặc trưng là những yếu tố nổi bật, góp phần tạo nên sức hấp dẫn riêng biệt của điểm đến. Điều này khẳng định tiềm năng phát triển của Ngự Mỹ Thạnh theo định hướng du lịch cộng đồng gắn với sinh thái đầm phá.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế cần được cải thiện như: cơ hội mua sắm chưa phong phú, hệ thống cơ sở lưu trú còn hạn chế, hoạt động giải trí về đêm chưa đa dạng, khả năng tiếp cận giao thông chưa thật sự thuận tiện và chất lượng phục vụ chưa đồng đều. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các hàm ý quản lý theo ba nhóm chủ thể chính nhằm nâng cao khả năng thu hút du khách trong thời gian tới.

(1) Đối với chính quyền địa phương

Định hướng đa dạng hóa sản phẩm: du lịch sinh thái đầm phá, văn hóa bản địa, giáo dục và phát triển sản phẩm du lịch đêm (chợ đêm, tour đêm đầm phá).

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng: giao thông, biển chỉ dẫn, bãi đỗ xe, điểm dừng chân; hệ thống vệ sinh công cộng, thu gom rác và cảnh quan môi trường.

Ban hành và giám sát quy định về an ninh, an toàn (thuyền, áo phao, bến bãi), tăng cường phối hợp quản lý và cứu hộ cứu nạn.

Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực du lịch địa phương (kỹ năng phục vụ, thuyết minh, an toàn).

Xây dựng thương hiệu và đẩy mạnh quảng bá số; kết nối với doanh nghiệp lữ hành để đưa điểm đến vào tour.

(2) Đối với các công ty lữ hành

Thiết kế sản phẩm trải nghiệm đặc thù (đánh bắt hải sản, rừng ngập mặn, ẩm thực, đời sống ngư dân), kết hợp tour ngày – đêm và các tuyến chuyên đề.

Liên kết với địa phương để chuẩn hóa dịch vụ, hỗ trợ xây dựng quy trình phục vụ chuyên nghiệp.

Đẩy mạnh quảng bá trên nền tảng số, hợp tác KOLs/travel blogger, xây dựng sản phẩm theo từng phân khúc khách.

Phối hợp đảm bảo chất lượng dịch vụ, an toàn và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho du khách.

(3) Đối với cộng đồng địa phương

Chủ động tham gia cung cấp dịch vụ và trải nghiệm (đánh bắt, chế biến ẩm thực, kể chuyện nghề, du lịch đêm).

Đầu tư và nâng cấp cơ sở lưu trú homestay: đảm bảo vệ sinh, an toàn, tiện nghi cơ bản, thân thiện môi trường; chuẩn hóa không gian và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu lưu trú dài ngày của khách.

Nâng cao kỹ năng giao tiếp, phục vụ, thuyết minh; chuẩn hóa chất lượng dịch vụ ăn uống và lưu trú.

Tuân thủ quy định an toàn du lịch, tích cực bảo vệ môi trường (thu gom rác, hạn chế nhựa).

Tham gia quảng bá hình ảnh điểm đến thông qua mạng xã hội và trải nghiệm thực tế.

Bên cạnh những đóng góp, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Cụ thể, cỡ mẫu khảo sát còn tương đối nhỏ và phương pháp lấy mẫu thuận tiện có thể chưa đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ khách du lịch đến Huế. Đồng thời, dữ liệu thu thập tại thời điểm khảo sát có sự tập trung lớn vào nhóm khách trẻ, đặc biệt là sinh viên, do trùng với giai đoạn cao điểm của nhóm đối tượng này, dẫn đến sự mất cân đối giữa các nhóm nhân khẩu học. Vì vậy, kết quả nghiên cứu cần được cân nhắc khi khái quát hóa, đồng thời gợi ý các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng quy mô mẫu, đa dạng hóa đối tượng và thời điểm khảo sát để nâng cao độ tin cậy và tính đại diện.

Lời cảm ơn: Bài báo này được hỗ trợ bởi Trường Du lịch – Đại học Huế với Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên mã số TDL.SV.2025-6-05

Tài liệu tham khảo

Aziz, A. (2002). An evaluation of the attractiveness of Langkawi island as a domestic tourist destinations based on the importance and perceptions of different types of attractions. *Michigan State University*. <https://doi.org/doi:10.25335/ypv1-4k58>

Bùi Thị Tám và Mai Lệ Quyên (2012). Đánh giá khả năng thu hút du khách của điểm đến Huế. *Tạp chí khoa học Đại Học Huế*, 72b (3), 295-305. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jed.v126i5D.4490>.

Gearing, C. E., William W. Swart, & Turgut Var. (1974). Establishing a Measure of Touristic Attractiveness. *Journal of Travel Research*, 22 (Spring), 1-8.

Hu, Y. & Ritchie B. J. R. (1993). Measuring destination attractiveness: A contextual approach. *Journal of Travel Research*, 32 (2), 25-34.

Nguyễn Thị Minh Nghĩa, Lê Vũ Thị Thảo Nhi, Trần Hữu Tuấn (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách du lịch nội địa của điểm đến Hội An. *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, 126 (5D), 29-39. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jed.v126i5D.4490>

Nguyễn Thuý Vy (2019). Phân tích khả năng thu hút du khách của vùng duyên hải phía Đông Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, tập 55, số 5, 117-123, 2019.

Trần Thị Ngọc Liên, Huỳnh Văn Chương, Đỗ Mạnh Hùng (2021). Đánh giá khả năng thu hút của điểm đến du lịch Lý Sơn, Quảng Ngãi. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, tập 130, số 5A, 115-126.

Yamane, Taro. (1967). *Statistics, an Introductory Analysis*. 2nd Ed., New York: Harper and Row, USA.